**THỦ TỤC THÔNG BÁO LƯU TRÚ**

**TẠI CẤP XÃ**

|  |  |
| --- | --- |
| **1** | **Trình tự thực hiện** |
| ***Cách 1: Trực tiếp***  **Bước 1:** Cá nhân, tổ chức thông báo lưu trú tới cơ quan đăng ký cư trú.  **Bước 2:** Cán bộ công an thực hiện tiếp nhận thông báo lưu trú.  ***Cách 2: Trực tuyến***  **Bước 1:** Cơ quan, tổ chức truy cập vào Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an hoặc thông qua ứng dụng VneiD.  **Bước 2:** Đăng nhập tài khoản hoặc tạo tài khoản để thực hiện. Tại giao diện Cổng dịch vụ công, chọn thủ tục hành chính cần thực hiện.  Tiến hành điền đầy đủ thông tin vào biểu mẫu, đính kèm các file tài liệu, chọn hình thức nhận kết quả giải quyết.  Thực hiện thanh toán phí, lệ phí (nếu có).  Kiểm tra thông tin và thực hiện nộp hồ sơ.  **Bước 3:** Cán bộ đăng nhập vào hệ thống để tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ:  + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả cho người nộp hồ sơ.  + Trường hợp hồ sơ hợp lệ nhưng chưa đầy đủ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện và cấp phiếu hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện cho người dân.  + Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, thì từ chối tiếp nhận và ghi rõ lý do từ chối tiếp nhận để trả lời người nộp hồ sơ.  **Bước 4:** Công dân căn cứ theo ngày hẹn trên phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận thông báo kết quả giải quyết hồ sơ. |
| **2** | **Cách thức thực hiện** |
| - Trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc địa điểm tiếp nhận thông báo lưu trú do cơ quan đăng ký cư trú quy định;  - Thông qua số điện thoại hoặc hộp thư điện tử do cơ quan đăng ký cư trú thông báo hoặc niêm yết;  - Thông qua trang thông tin điện tử của cơ quan đăng ký cư trú hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Cổng dịch vụ công quản lý cư trú;  - Thông qua ứng dụng VNEID trên thiết bị điện tử. |
| **3** | **Thành phần hồ sơ** |
| Nội dung thông báo về lưu trú bao gồm họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số Chứng minh nhân dân, số hộ chiếu của người lưu trú; lý do lưu trú; thời gian lưu trú; địa chỉ lưu trú. |
| **4** | **Số lượng hồ sơ** |
| 01 (một) bộ. |
| **5** | **Thời hạn giải quyết** |
| Tiếp nhận ngay khi công dân thông báo lưu trú. |
| **6** | **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính** |
| Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đăng ký cư trú. |
| **7** | **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính** |
| Công an cấp xã. |
| **8** | **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính** |
| Cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về cư trú. |
| **9** | **Lệ phí** |
| Không |
| **10** | **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai** |
| Không |
| **11** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC** |
| Việc thông báo lưu trú được thực hiện trước 23 giờ của ngày bắt đầu lưu trú; trường hợp người đến lưu trú sau 23 giờ thì việc thông báo lưu trú được thực hiện trước 08 giờ ngày hôm sau; trường hợp ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, anh, chị, em ruột đến lưu trú nhiều lần thì chỉ cần thông báo lưu trú một lần. |
| **12** | **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính** |
| **1.** Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020;  **2.** Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú;  **3.** Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú;  **4.** Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú;  **5.** Thông tư số 57/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định quy trình đăng ký cư trú.  **6.** Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú. và bị bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký cư trú và lĩnh vực xuất nhập cảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an. |